



Lập trình iOS

Bài 6. *Address Book*

Ngành Mạng & Thiết bị di động





Nội dung

- 1. Giới thiệu tổng quan về Address Book**
- 2. Khảo sát Address Book UI**
- 3. Khảo sát Address Book**



1. Giới thiệu tổng quan về Address Book

- ❑ Là ứng dụng để quản lý danh bạ điện thoại.
 - ❑ Là tính năng được sử dụng phổ biến nhất trên iPhone.
 - ❑ Lưu ý: Không chỉ có **MỘT** Address Book
- Mục tiêu: Truy cập và tương tác với Address Book mà thiết bị đang sử dụng.



1. Giới thiệu tổng quan về Address Book

❑ Address Book gồm có:

- **Address Book framework:** Cung cấp các truy cập về thông tin liên lạc.
- **Address Book UI framework:** Cung cấp giao diện hiển thị thông tin liên lạc.
- **Address Book database:** Lưu trữ mọi thông tin liên lạc.
- Ứng dụng danh bạ giúp truy cập mọi thông tin liên lạc và tạo mới thông tin liên lạc.



Nội dung

1. Giới thiệu tổng quan về Address Book

2. Khảo sát Address Book UI

- Giới thiệu về Address Book UI
- Màn hình danh sách danh bạ
- Màn hình hiển thị chi tiết danh bạ và cho phép chỉnh sửa
- Màn hình thêm mới một danh bạ
- Hiển thị thông tin liên lạc có thể thêm vào danh bạ
- Ví dụ

3. Khảo sát Address Book

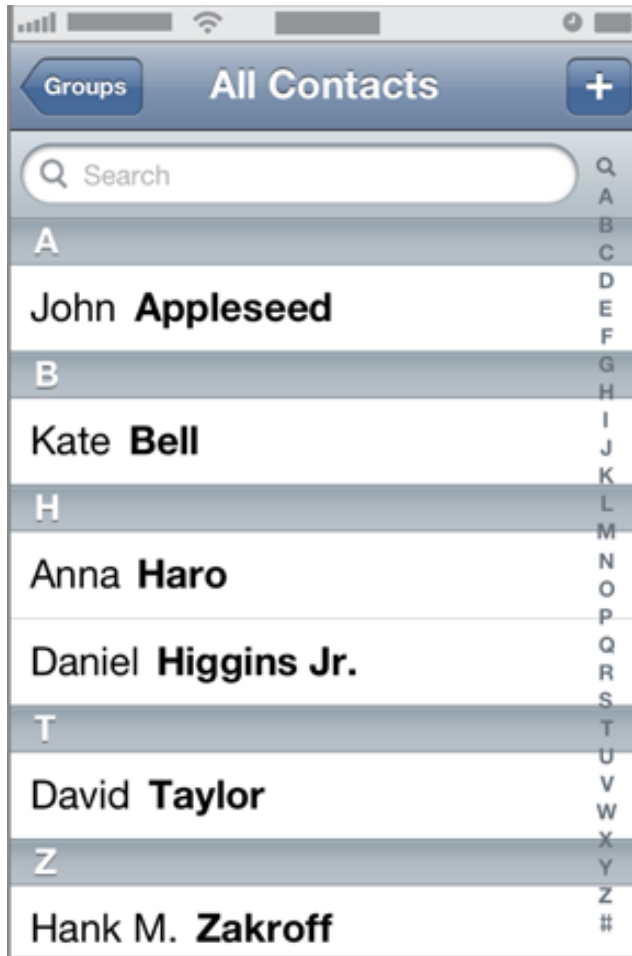


2.1. Giới thiệu về Address Book UI

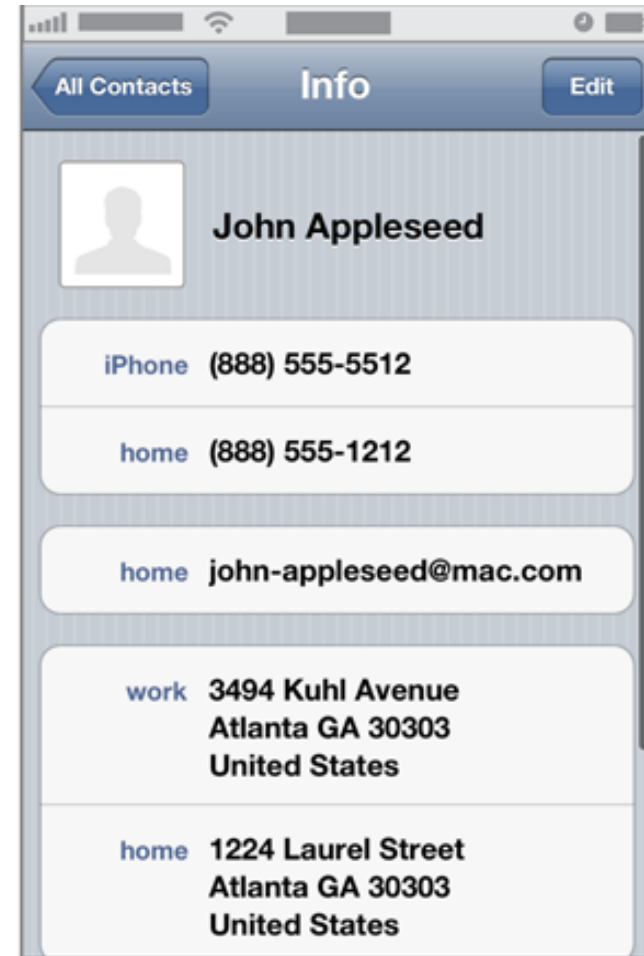
- ❑ Thư viện Address Book UI cung cấp các giao diện giúp thao tác trực tiếp đối với danh bạ giống như ứng dụng contact có sẵn trong iOS. Bao gồm:
 - **ABPeoplePickerNavigationController**: Hiển thị danh sách danh bạ.
 - **ABPersonViewController**: Hiển thị chi tiết danh bạ của một người cho phép chỉnh sửa.
 - **ABNewPersonViewController**: Thêm mới một danh bạ.
 - **ABUnknownPersonViewController**: Hiển thị thông tin liên lạc có thể thêm vào danh bạ



2.1. Giới thiệu về Address Book UI



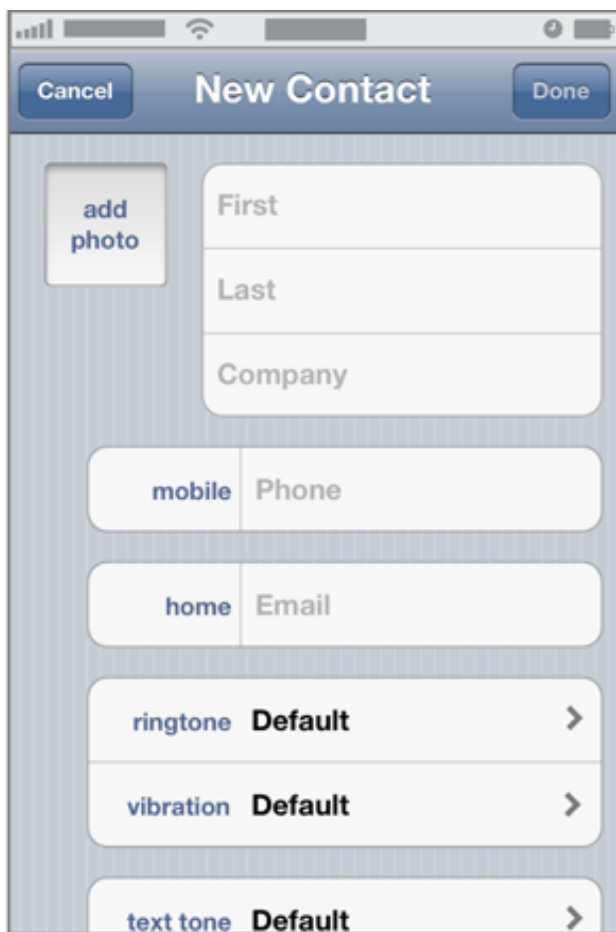
People picker



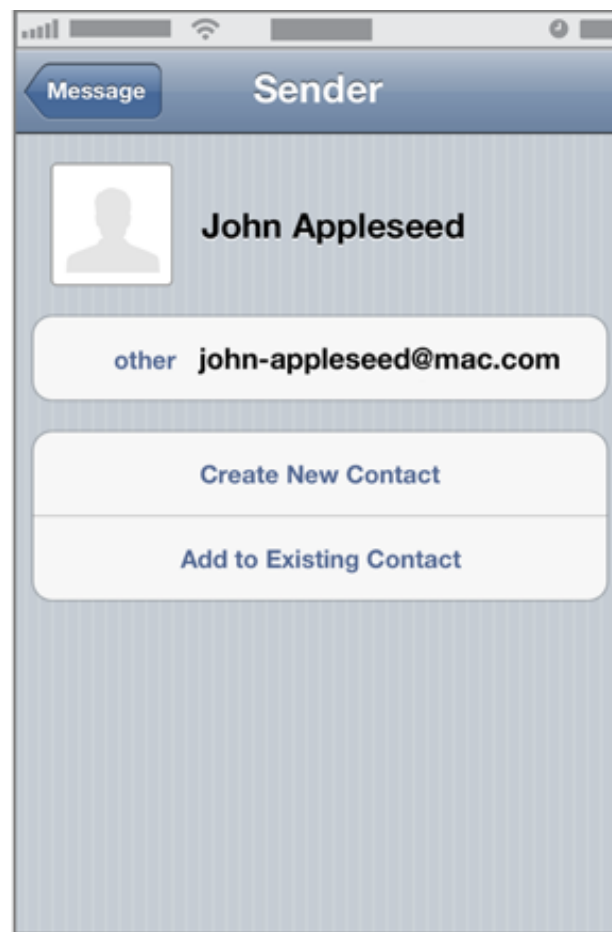
Person View Controller



2.1. Giới thiệu về Address Book UI



New-Person View Controller



Unknown-Person View Controller



2.2. Màn hình danh sách danh bạ

- ❑ Sử dụng **ABPeoplePickerNavigationController** để có thể hiển thị danh bạ và lựa chọn một liên lạc từ danh bạ

- ❑ Thuộc tính:
 - **displayedProperties**: Hiển thị bảng chọn.
 - **peoplePickerDelegate**: delegate quản lý chọn liên lạc.
 - **predicateForSelectionOfPerson**: Tùy chọn xác định nếu một người được lựa chọn phải được trả lại cho các ứng dụng hoặc hiển thị.



2.2. Màn hình danh sách danh bạ

❑ **ABPeoplePickerNavigationControllerDelegate:**

- **-peoplePickerNavigationControllerDidCancel:** Khi nhấn vào nút Cancel.
- **-peoplePickerNavigationController:**
shouldContinueAfterSelectingPerson: Khi lựa chọn một dòng dữ liệu.
- **-peoplePickerNavigationController:**
shouldContinueAfterSelectingPerson: property:identifier: Thiết lập có thực hiện các hành động như gọi điện, gửi email khi nhấn vào thông tin chi tiết không.
- **-peoplePickerNavigationController:didSelectPerson:** Được gọi sau khi một person được gọi bởi user.
- **-peoplePickerNavigationController:didSelectPerson:identifier:** Được gọi sau khi một property được gọi bởi user



2.3. Màn hình hiển thị chi tiết danh bạ

- ❑ Sử dụng **ABPersonViewController** để hiển thị chi tiết và chỉnh sửa một liên lạc. Lưu ý: Phải truyền đúng giá trị **person** cho thuộc tính **displayPerson**

- ❑ Thuộc tính:
 - **displayedProperties**: Hiển thị bảng chọn.
 - **displayPerson**: Hiển thị person bởi person view
 - **personViewDelegate**: delegate quản lý xem liên lạc.
 - **allowEditing**: Xác định xem user có thể chỉnh sửa thông tin của person đó.



2.3. Màn hình hiển thị chi tiết danh bạ

❑ **ABPersonViewControllerDelegate:**

- **-personViewController:shouldPerformDefaultActionForPerson:property: identifier:** Thiết lập có thực hiện các hành động như gọi điện, gửi email khi nhấn vào thông tin chi tiết không. (Bắt buộc)



2.4. Màn hình thêm mới một danh bạ

- ❑ Sử dụng **ABNewPersonViewController** để tạo mới một liên lạc.

- ❑ Thuộc tính:
 - **displayedPerson**: Hiển thị các giá trị mặc định sẽ hiển thị khi thêm mới liên lạc.
 - **addressBook**: danh bạ để thêm liên lạc
 - **newPersonViewDelegate**: delegate cho phép quản lý view controller thêm mới liên lạc này.
 - **parentGroup**: Chỉ định nhóm mà để thêm các số liên lạc mới.



2.4. Màn hình thêm mới một danh bạ

❑ **ABNewPersonViewControllerDelegate:**

- **-newPersonViewController:didCompleteWithNewPerson:** Báo cho delegate khi nhấn vào nút “Lưu” hoặc “Thoát” trong ABNewPersonViewController.
 - Nếu là Thoát giá trị person sẽ là nil.
 - Thông thường trong phương thức này sử dụng `dismissModalViewControllerAnimated` để tắt màn hình ABNewPersonViewController



2.5. Hiển thị thông tin liên lạc có thể thêm

- ❑ Khi có một liên lạc có sẵn ta có thể sử dụng **ABUnknownPersonViewController** để tạo mới liên lạc
- ❑ Thuộc tính:
 - **alternateName**: Cung cấp một giá trị được hiển thị thay cho họ và tên.
 - **message**: đoạn văn hiển thị dưới alternateName
 - **displayedPerson**: Các giá trị mặc định sẽ hiển thị khi thêm mới liên lạc.
 - **unknownPersonViewDelegate**: delegate của unknown person view controller.



2.5. Hiển thị thông tin liên lạc có thể thêm

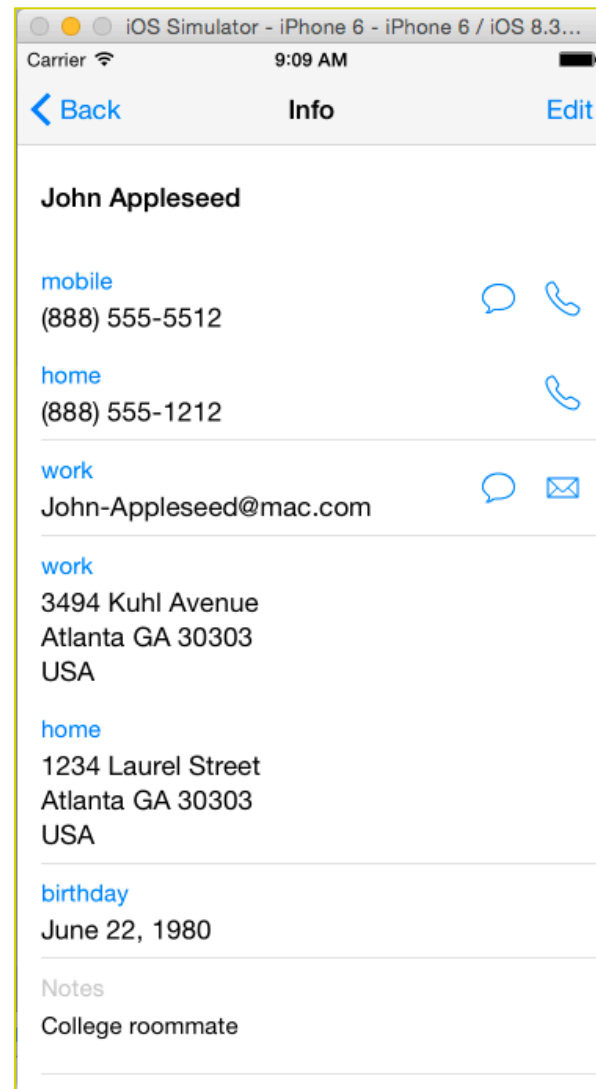
❑ **ABUnknownPersonViewControllerDelegate:**

- **-unknownPersonViewController:didResolveToPerson:** Báo cho delegate biết khi nhấn vào nút “Lưu” hoặc “Thoát. Nếu là Thoát giá trị person sẽ là nil.
- **-unknownPersonViewController:**
shouldPerformDefaultActionForPerson:property:identifier:
Được gọi khi user chọn một giá trị thuộc tính của person được hiển thị trong person view controller.



2.6. Ví dụ

- ❑ Tạo ứng dụng hiển thị danh bạ có thể thêm, xoá, sửa liên lạc bằng cách sử dụng Address Book UI





Nội dung

1. Giới thiệu tổng quan về Address Book

2. Khảo sát Address Book UI

3. Khảo sát Address Book

- Giới thiệu về Address Book
- Các thành phần của Address Book



3.1. Giới thiệu về Address Book

- ❑ Address Book framework cung cấp quyền truy cập tới trung tâm lưu trữ các liên lạc, gọi là Address Book database, nơi chứa danh sách liên lạc của người dùng.
- ❑ Mail và tin nhắn sử dụng database này để lấy các thông tin hiện tại của những người đã có hoặc chưa có trong danh bạ.
- ❑ Address Book framework ngừng sử dụng từ phiên bản iOS 9.0. Thay vào đó là các API trong Contacts framework



3.2. Các thành phần của Address Book

❑ ABRecordRef

- Lưu trữ một record của contact
- Có chứa tất cả các thuộc tính của một contact.
- Có thể lưu trữ dữ liệu của một người hoặc một nhóm người (group)
- Hàm *ABRecordGetRecordType* là *kABPersonType* là một người và *kABGroupType* là một nhóm.
- Sử dụng *ABRecordCopyValue* và *ABRecordSetValue* để lấy và thiết lập giá trị



3.2. Các thành phần của Address Book

❑ ABRecordRef

- ABRecordRef thể hiện thông tin của một cá nhân hoặc một nhóm thông qua một class ABPerson.



3.2. Các thành phần của Address Book

❑ Properties

- Có hai loại căn bản là single-value và multi-value.
- Single-value chỉ chứa một giá trị duy nhất như tên
- Multi-value có thể chứa nhiều giá trị như là số điện thoại, địa chỉ.



3.2. Các thành phần của Address Book

❑ Single-value

```
// Lấy thông tin tên và số điện thoại từ ABRecordRef
NSString* name = (__bridge_transfer NSString*)ABRecordCopyValue
(person, kABPersonFirstNameProperty);
NSString* lastname = (__bridge_transfer NSString*)ABRecordCopyValue
(person, kABPersonLastNameProperty);
```



3.2. Các thành phần của Address Book

❑ Multi-value

```
NSString* phone = nil;

ABMultiValueRef phoneNumbers = ABRecordCopyValue(person,
kABPersonPhoneProperty);

if (ABMultiValueGetCount(phoneNumbers) > 0) {
    phone = (__bridge_transfer NSString*)
        ABMultiValueCopyValueAtIndex(phoneNumbers, 0);
} else {
    phone = @"[None]";
}

self.soDienThoaiLabel.text = phone;
CFRelease(phoneNumbers);
}
```


Thảo luận

